



BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 11/2024



**NTB
LEGAL**

✦ 72C Nguyễn Khang, Yên
Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

✦ 024.2322.5888
0943.996.589

✦ <http://ntblegal.vn/>

MỤC LỤC

CÁC CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT MỚI CÓ HIỆU LỰC	1
1. Áp dụng mức tỷ lệ (%) mới tính đơn giá thuê đất tại Hà Nội từ 01/11/2024	1
2. Chính phủ duyệt kế hoạch rà soát, điều chỉnh mức đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	3
3. Quy định mới về kê khai giảm thuế GTGT: Áp dụng phụ lục tại Nghị quyết 142/2024/QH15 từ 01/07/2024	5
GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT	9
1. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất lĩnh vực đất đai từ ngày 01/08/2024 như thế nào?.....	9
2. Thời điểm xác lập quyền sở hữu nhà ở từ 01/08/2024?	14
3. Hướng dẫn thủ tục sửa đổi về kiểm định kỹ thuật an toàn lao động theo quy định mới của Bộ Xây dựng	17
4. Tổng hợp chính sách mới nổi bật có hiệu lực từ ngày 01/11/2024	18
VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ HIỆU LỰC TỪ THÁNG 11/2024	25

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

CÁC CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT MỚI CÓ HIỆU LỰC**1. Áp dụng mức tỷ lệ (%) mới tính đơn giá thuê đất tại Hà Nội từ 01/11/2024**

Ngày 22/10/2024, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định 62/2024/QĐ-UBND về việc quy định mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất có mặt nước trên địa bàn thành phố Hà Nội.

1.1. Mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất trên địa bàn thành phố Hà Nội từ 01/11/2024

Theo quy định tại Điều 1 Quyết định 62/2024/QĐ-UBND thì mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất trên địa bàn thành phố Hà Nội như sau:

- Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất một năm là 2% giá đất tính thu tiền thuê đất đối với trường hợp mục đích sử dụng đất thuê làm mặt bằng kinh doanh thuộc các ngành thương mại, dịch vụ (không bao gồm trường hợp quy định tại điểm c, d khoản 3 Điều 1 Quyết định 62/2024/QĐ-UBND).

- Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất một năm là 1,4% giá đất tính thu tiền thuê đất đối với trường hợp mục đích sử dụng đất thuê làm trụ sở, văn phòng độc lập (không gắn với công trình để sản xuất, kinh doanh).

- Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất một năm là 1% giá đất tính thu tiền thuê đất đối với các trường hợp:

+ Được cấp có thẩm quyền cho thuê đất để xây dựng kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê đất đã có hạ tầng theo quy định của pháp luật (không bao gồm trường hợp cho thuê tài sản gắn liền với đất);

- + Thuê đất làm sân đường nội bộ, vườn hoa, phục vụ cho tòa nhà chung cư trong khu đô thị (không sử dụng để kinh doanh dịch vụ);
- + Thuê đất sử dụng vào mục đích để làm chợ;
- + Thuê đất đối với phần diện tích xây dựng công trình ngầm vượt ra ngoài phần diện tích trên mặt đất gắn với phần ngầm của công trình trên mặt đất để làm chỗ đỗ xe trong khuôn viên nhà chung cư hoặc trong tòa nhà hỗn hợp văn phòng, thương mại dịch vụ và chung cư để ở (phần đất xây dựng tầng hầm mở rộng);
- + Các trường hợp còn lại không thuộc quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 1 Quyết định 62/2024/QĐ-UBND.
- Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất một năm là 0,5% đối với các trường hợp sau:
 - + Trường hợp thuộc Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư; ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư;
 - + Đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

1.2. Thời điểm định giá đất, thời điểm tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

Thời điểm định giá đất, thời điểm tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được quy định cụ thể tại khoản 3 Điều 155 Luật Đất đai 2024 như sau:

- Đối với trường hợp Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, là thời điểm Nhà nước ban hành quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 124 Luật Đất đai 2024;
- Đối với trường hợp công nhận quyền sử dụng đất, là thời điểm người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc người đại diện cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất nộp đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định của pháp luật;
- Đối với trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất mà làm thay đổi diện tích, mục đích sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất, là thời

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất;

- Đối với trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định điều chỉnh quy hoạch chi tiết theo quy định của pháp luật về xây

dựng mà phải xác định lại giá đất, là thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định điều chỉnh quy hoạch chi tiết.

Quyết định 62/2024/QĐ-UBND có hiệu lực từ 01/11/2024.

2. Chính phủ duyệt kế hoạch rà soát, điều chỉnh mức đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp



Chính phủ ban hành Nghị quyết 209/NQ-CP ngày 28/10/2024 về Kế hoạch thực hiện Chỉ thị 31-CT/TW về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động trong tình hình mới.

2.1. Sẽ rà soát và đề xuất bổ sung, sửa đổi mức đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Theo đó, trong nhiệm vụ, giải pháp về tăng cường nguồn lực đầu tư cho công tác an toàn, vệ sinh lao động (ATVSLĐ) được đặt ra như sau:

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho công tác ATVSLĐ. Doanh nghiệp chủ động bảo đảm nguồn lực đầu tư cải thiện điều kiện lao động, triển khai biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tai nạn lao động (sau đây viết tắt là TNLĐ), BNN.

- Tăng cường nguồn lực Nhà nước và doanh nghiệp đầu tư cho công tác ATVSLĐ gắn với đổi mới cơ chế tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, ưu tiên bố trí nguồn lực để triển khai các biện pháp phòng ngừa TNLĐ, BNN đối với cả khu vực không có quan hệ lao động; lồng ghép nội dung ATVSLĐ trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, chương trình, dự án liên quan đến lĩnh vực lao động, y tế, môi trường.

- Quản lý, sử dụng hiệu quả Quỹ bảo hiểm TNLĐ, BNN; *rà soát, đề xuất bổ sung, sửa đổi mức đóng, chế độ hưởng, đối tượng tham gia bảo hiểm TNLĐ, BNN phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội.*

2.2. Tăng cường xử lý các vi phạm về an toàn, vệ sinh lao động gây hậu quả nghiêm trọng

Cụ thể, nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về ATVSLĐ tại Kế hoạch thực hiện Chỉ thị 31-CT/TW về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động trong tình hình mới ban hành kèm theo Nghị quyết 209/NQ-CP ngày 28/10/2024 gồm các nội dung như sau:

- ***Tăng cường xử lý các vi phạm về ATVSLĐ gây hậu quả nghiêm trọng đối với sức khỏe, tính mạng của người dân, người lao động;*** đồng thời công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về kết quả xử lý đối với cá nhân, doanh nghiệp vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng và gây bức xúc trong dư luận xã hội nhằm răn đe và tuyên truyền tính nghiêm minh của pháp luật.

- Nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật. Từng bước ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác báo cáo, thống kê, cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực ATVSLĐ; kiện toàn và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đội ngũ cán bộ làm công tác ATVSLĐ, thanh tra lao động, thanh tra ATVSLĐ các cấp; tiếp nhận và giải quyết các phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của người dân, doanh nghiệp về tình hình thi hành pháp luật ATVSLĐ kịp thời, đúng quy định pháp luật; nâng cao hiệu quả cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chú trọng khu vực không có quan hệ lao động.

- Có các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về ATVSLĐ; thường xuyên kiểm tra, thanh tra, chú trọng kiểm soát điều kiện lao động; nghiên cứu cơ chế kiểm soát chất lượng các hoạt động: huấn luyện ATVSLĐ; quan trắc môi trường lao động; khám sức khỏe định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp (sau đây viết tắt là BNN); kiểm định kỹ thuật an toàn lao động máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; đưa các mục tiêu, chỉ tiêu về bảo đảm

ATVSLĐ vào trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm và chiến lược phát triển dài hạn của quốc gia, các ngành, các cấp và địa phương; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức từ trung ương đến địa phương.

- Tăng cường quản lý và nâng cao năng lực cho người làm công tác y tế tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh. Tiếp tục triển khai

3. Quy định mới về kê khai giảm thuế GTGT: Áp dụng phụ lục tại Nghị quyết 142/2024/QH15 từ 01/07/2024



3.1. Phụ lục giảm thuế GTGT năm 2024 trên HTKK theo Nghị quyết 142

Ngày 30/6/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định 72/2024/NĐ-CP về chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 142/2024/QH15.

Trong đó, từ ngày 01/07/2024 việc kê khai giảm thuế giá trị gia tăng (GTGT) sẽ phải tuân

hiệu quả Chương trình chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp giai đoạn 2020 - 2030 được phê duyệt tại Quyết định 659/QĐ-TTg ngày 20/5/2020.

Nghị quyết 209/NQ-CP có hiệu lực từ ngày 28/10/2024.

theo Phụ lục giảm thuế được quy định tại Nghị quyết 142/2024/QH15.

Mà ứng dụng Hỗ trợ kê khai (HTKK) phiên bản 5.2.2 đã cập nhật đầy đủ tính năng này, cùng với các quy định liên quan theo Nghị định 72/2024/NĐ-CP.

Theo đó, hiện nay Phụ lục giảm thuế GTGT năm 2024 trên HTKK gồm:

- Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 72/2024/NĐ-CP (Hàng hóa, dịch vụ không được giảm thuế GTGT) gồm: Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại và sản

phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hoá chất.

- Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 72/2024/NĐ-CP (Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt không được giảm thuế GTGT năm 2024) gồm: Sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 72/2024/NĐ-CP (Hàng hóa, dịch vụ công nghệ thông tin không được giảm thuế GTGT) gồm: Công nghệ thông tin theo pháp luật về công nghệ thông tin.

Tuy nhiên, ngày 05/11/2024 Tổng cục Thuế đã ban hành Thông báo về việc nâng cấp ứng dụng Hỗ trợ kê khai (HTKK) phiên bản 5.2.4. Trong đó, phiên bản mới này đã cập nhật nội dung phát sinh đối với Tờ khai Thuế giá trị gia tăng – mẫu 01/GTGT (Thông tư 80/2021/TT-BTC).

3.2. Phụ lục giảm thuế GTGT trên HTKK dùng cho kỳ tính thuế nào?

Theo Thông báo của Tổng cục Thuế tại Nội dung nâng cấp ứng dụng HTKK phiên bản

5.2.2 thì Phụ lục giảm thuế GTGT được dùng cho kỳ tính thuế sau đây:

(1) Tờ khai thuế giá trị gia tăng - Mẫu 01/GTGT (Thông tư 80/2021/TT-BTC): Cho phép đính kèm đối với ngành nghề “Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường” hoặc “Hoạt động thăm dò khai thác dầu khí” hoặc “dành cho nhà máy sản xuất điện khác địa bàn tỉnh nơi có trụ sở chính” có các kỳ tính thuế như sau:

- Kỳ tháng: Từ tháng 07/2024 đến tháng 12/2024.

- Kỳ quý: Từ quý 3/2024, quý 4/2024.

(2) Tờ khai thuế giá trị gia tăng - Mẫu 04/GTGT (Thông tư 80/2021/TT-BTC): Cho phép đính kèm đối với các kỳ tính thuế như sau:

- Nếu không tích chọn <Thu hộ>:

+ Kỳ lần phát sinh: Từ ngày 01/07/2024 đến ngày 31/12/2024.

+ Kỳ tháng: Từ tháng 07/2024 đến tháng 12/2024.

+ Kỳ quý: Quý 3/2024, quý 4/2024.

- Nếu tích chọn <Thu hộ>:

+ Kỳ tháng: Từ tháng 07/2024 đến tháng 12/2024.

+ Kỳ quý: Quý 3/2024, quý 4/2024.

(3) Tờ khai thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh - Mẫu 01/CNKD (Thông tư 40/2021/TT-BTC): Cho phép đính kèm đối với các kỳ tính thuế như sau:

- Kỳ lần phát sinh: Từ ngày 01/07/2024 đến ngày 31/12/2024.

- Kỳ tháng: Từ tháng 07/2024 đến tháng 12/2024.

- Kỳ quý: Quý 3/2024, quý 4/2024.

(4) Tờ khai thuế đối với hoạt động cho thuê tài sản - Mẫu 01/TTS (Thông tư 40/2021/TT-BTC): Cho phép đính kèm đối với các kỳ tính thuế như sau:

- Tờ khai theo kỳ thanh toán: “Từ kỳ thanh toán” đến “Đến kỳ thanh toán” có giao với khoảng thời gian từ 01/07/2024 đến 31/12/2024.

- Kỳ tháng: Từ tháng 07/2024 đến tháng 12/2024.

- Kỳ quý: Quý 3/2024, quý 4/2024.

3.3. Mức giảm thuế GTGT năm 2024

Giảm thuế giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10%, trừ nhóm hàng hóa, dịch vụ sau:

- Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại và sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hoá chất. Chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 72/2024/NĐ-CP.

- Sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 72/2024/NĐ-CP.

- Công nghệ thông tin theo pháp luật về công nghệ thông tin. Chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 72/2024/NĐ-CP.

- Việc giảm thuế giá trị gia tăng cho từng loại hàng hóa, dịch vụ nêu trên được áp dụng thống nhất tại các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thương mại. Đối với mặt hàng than khai thác bán ra (bao gồm cả trường hợp than khai thác sau đó qua sàng tuyển, phân loại theo quy trình khép kín mới bán ra) thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng. Mặt hàng than thuộc Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 72/2024/NĐ-CP, tại các khâu khác ngoài khâu khai thác bán ra không được giảm thuế giá trị gia tăng.

Các tổng công ty, tập đoàn kinh tế thực hiện quy trình khép kín mới bán ra cũng thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng đối với mặt hàng than khai thác bán ra.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ nêu tại các Phụ lục I, II và III ban hành kèm theo Nghị định 72/2024/NĐ-CP thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng hoặc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng 5% theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng 2008 thì thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng 2008 và không được giảm thuế giá trị gia tăng.

Theo đó, mức giảm thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cơ sở kinh doanh tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với hàng hóa, dịch vụ quy định nêu trên (tức giảm giảm 2% thuế GTGT).

- Cơ sở kinh doanh (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh) tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu được giảm 20% mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng khi thực hiện xuất hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế giá trị gia tăng theo quy định.

(Khoản 1, 2 Điều 1 Nghị định 72/2024/NĐ-CP) Nghị quyết 142/2024/QH15 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất lĩnh vực đất đai từ ngày 01/08/2024 như thế nào?



1.1. Cơ quan nào thực hiện thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất ở cấp tỉnh?

Căn cứ tiểu mục 31 Mục B Phần II Quyết định 2124/QĐ-BTNMT năm 2024 quy định về cơ quan thực hiện thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất ở cấp tỉnh như sau:

- Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân cấp xã.

1.2. Cách thức thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất ra sao?

Căn cứ tiểu mục 31 Mục B Phần II Quyết định 2124/QĐ-BTNMT năm 2024 quy định về

cách thức thực hiện thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất ở cấp tỉnh như sau:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ;
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính;
- Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu cầu đăng ký và Văn phòng đăng ký đất đai;
- Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh.

1.3. Trình tự thực hiện thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất?

Căn cứ tiểu mục 31 Mục B Phần II Quyết định 2124/QĐ-BTNMT năm 2024 quy định về trình tự thực hiện thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất lĩnh vực đất đai ở cấp tỉnh như sau:

- (1) Người yêu cầu đăng ký nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả là Bộ phận Một cửa theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã hoặc Văn phòng đăng

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai hoặc địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu cầu đăng ký và Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

(2) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm:

- Kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền tiếp nhận hoặc hồ sơ không đầy đủ thành phần hoặc không đảm bảo tính thống nhất nội dung thông tin giữa các giấy tờ hoặc kê khai nội dung không đầy đủ thông tin theo quy định thì không tiếp nhận và trả hồ sơ cho người yêu cầu đăng ký.

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ. Trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Bộ phận Một cửa theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thì chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai.

(3) Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện các công việc sau:

- Kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận đã cấp mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất khai báo bị mất trong hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai;

- Trường hợp phát hiện thừa đất, tài sản gắn liền với đất được cấp Giấy chứng nhận đã được chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc đang thế chấp tại các tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế khác hoặc cá nhân theo quy định của pháp luật thì thông báo, trả lại hồ sơ cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất;

- Trường hợp không phát hiện thừa đất, tài sản gắn liền với đất được cấp Giấy chứng nhận đã được chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc đang thế chấp tại các tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế khác hoặc cá nhân theo quy định của pháp luật thì thông báo, trả lại hồ sơ cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân thì Văn phòng đăng ký đất

đại chuyên thông tin đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất để thực hiện nội dung sau:

+ Niêm yết công khai về việc mất Giấy chứng nhận đã cấp tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và điểm dân cư nơi có đất trong thời gian 15 ngày; đồng thời tiếp nhận phản ánh trong thời gian niêm yết công khai về việc mất Giấy chứng nhận đã cấp;

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian niêm yết, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập biên bản kết thúc niêm yết và gửi đến Văn phòng đăng ký đất đai.

- Thực hiện đăng tin 03 lần trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương trong thời gian 15 ngày về việc mất Giấy chứng nhận đã cấp đối với tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, chi phí đăng tin do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chi trả.

- Thực hiện việc hủy Giấy chứng nhận đã cấp; cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; cấp lại Giấy chứng nhận cho người được cấp.

- Trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp chưa sử dụng bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính thửa đất thì thực hiện như sau:

+ Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính thửa đất đối với nơi chưa có bản đồ địa chính hoặc chỉ có bản đồ địa chính dạng giấy đã rách nát, hư hỏng không thể khôi phục và không thể sử dụng để số hóa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai để thể hiện sơ đồ của thửa đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

+ Người sử dụng đất được công nhận theo kết quả trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính và phải trả chi phí đo đạc theo quy định; trường hợp đo đạc lại mà diện tích thửa đất lớn hơn diện tích trên Giấy chứng nhận đã cấp, ranh giới thửa đất không thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận thì người sử dụng đất

phải thực hiện nghĩa vụ tài chính về tiền sử dụng đất đối với phần diện tích đất ở tăng thêm nằm ngoài hạn mức đất ở, tiền thuê đất đối với phần diện tích tăng thêm theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận trước đây.

* Trường hợp Trang bổ sung của Giấy chứng nhận đã cấp theo quy định của pháp luật đất đai trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành bị mất thì người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất nộp Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Nghị định 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai và bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp. Văn phòng đăng ký đất đai kiểm tra thông tin của Trang bổ sung trong hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất với các thông tin cập nhật của Giấy chứng nhận đã cấp và thông tin trên Trang bổ sung.

1.4. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.5. Thời hạn giải quyết

Do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định nhưng không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất.

Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng,

thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.

Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.

Đối với những địa phương mà Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã ban hành quy chế tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục theo nhu cầu về thời gian thì thời gian giải quyết thủ tục được thực hiện theo thỏa thuận giữa người có nhu cầu và Văn phòng đăng ký đất đai nhưng không quá thời

gian thực hiện thủ tục do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

1.6. Lệ phí, phí (nếu có)

- Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.

- Phí đo đạc (trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp chưa sử dụng bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính thửa đất) thực hiện theo quy định; chi phí đăng tin do người đề nghị cấp Giấy chứng nhận chi trả.

1.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.

2. Thời điểm xác lập quyền sở hữu nhà ở từ 01/08/2024?



2.1. Thời điểm xác lập quyền sở hữu nhà ở từ 01/08/2024

Thời điểm xác lập quyền sở hữu nhà ở được quy định tại Điều 12 Luật Nhà ở 2023 như sau:

(1) Trường hợp trực tiếp đầu tư xây dựng nhà ở thì thời điểm xác lập quyền sở hữu nhà ở là thời điểm đã hoàn thành việc xây dựng nhà ở theo quy định của pháp luật về xây dựng.

(2) Trường hợp mua bán, thuê mua nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại khoản (4) thì thời điểm xác lập quyền sở hữu nhà ở là thời điểm bên mua, bên thuê mua đã thanh toán đủ tiền mua, tiền thuê mua và đã nhận bàn giao nhà ở, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

(3) Trường hợp góp vốn, tặng cho, đổi nhà ở thì thời điểm xác lập quyền sở hữu nhà ở là

thời điểm bên nhận góp vốn, bên nhận tặng cho, bên nhận đổi đã nhận bàn giao nhà ở từ bên góp vốn, bên tặng cho, bên đổi nhà ở, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

(4) Trường hợp mua bán, thuê mua nhà ở giữa chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở với người mua, người thuê mua thì thời điểm xác lập quyền sở hữu nhà ở được thực hiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản.

(5) Trường hợp thừa kế nhà ở thì thời điểm xác lập quyền sở hữu nhà ở được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

(6) Trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Lưu ý: Giao dịch về nhà ở quy định tại các khoản (2), (3) và (4) phải tuân thủ điều kiện về giao dịch nhà ở và hợp đồng phải có hiệu lực theo quy định của Luật Nhà ở 2023.

2.2. Công nhận quyền sở hữu nhà ở từ 01/08/2024

Điều 9 Luật Nhà ở 2023 quy định về công nhận quyền sở hữu nhà ở như sau:

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

- Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện và có nhà ở hợp pháp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sở hữu nhà ở thông qua việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận), trừ trường hợp nhà ở thuộc tài sản công. Nhà ở được ghi nhận quyền sở hữu trong Giấy chứng nhận phải là nhà ở có sẵn. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho chủ sở hữu nhà ở được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Trường hợp mua bán nhà ở có thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 165 Luật Nhà ở 2023 thì bên mua nhà ở được cấp Giấy chứng nhận trong thời hạn sở hữu theo thỏa thuận; khi hết thời hạn sở hữu nhà ở thì quyền sở hữu nhà ở được chuyển lại cho chủ sở hữu đã bán nhà ở theo thỏa thuận trong hợp đồng; trường hợp khi hết thời hạn sở hữu mà bên bán không nhận lại nhà ở thì giải quyết theo quy định tại Điều 166 Luật Nhà ở 2023 và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận phải ghi rõ trong Giấy chứng nhận loại

nhà ở, cấp nhà ở theo quy định của Luật Nhà ở 2023 và pháp luật về xây dựng; trường hợp nhà ở là căn hộ chung cư thì phải ghi rõ diện tích sàn xây dựng và diện tích sử dụng căn hộ; trường hợp nhà ở được xây dựng theo dự án thì phải ghi đúng tên dự án đầu tư xây dựng nhà ở đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư.

- Đối với nhà ở được đầu tư xây dựng theo dự án để bán, cho thuê mua thì không cấp Giấy chứng nhận cho chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở mà cấp Giấy chứng nhận cho người mua, thuê mua nhà ở, trừ trường hợp chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đối với nhà ở chưa bán, chưa cho thuê mua; trường hợp chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở để cho thuê thì được cấp Giấy chứng nhận đối với nhà ở đó.

2.3. Quyền của chủ sở hữu nhà ở và người sử dụng nhà ở từ 01/08/2024

Chủ sở hữu nhà ở là tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài có các quyền sau đây:

- Có quyền bất khả xâm phạm về nhà ở thuộc sở hữu hợp pháp của mình;
 - Sử dụng nhà ở vào mục đích để ở và mục đích khác mà pháp luật không cấm;
 - Được cấp Giấy chứng nhận đối với nhà ở thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình theo quy định của Luật Nhà ở 2023 và pháp luật về đất đai;
 - Bán, cho thuê mua, tặng cho, đổi, để thừa kế, thế chấp, góp vốn bằng nhà ở theo quy định của Luật Nhà ở 2023, pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan; chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở, cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở và các quyền khác theo quy định của pháp luật; trường hợp tặng cho, để thừa kế nhà ở cho đối tượng không thuộc trường hợp được sở hữu nhà ở tại Việt Nam thì đối tượng này chỉ được hưởng giá trị của nhà ở đó.
- Trường hợp Luật Đất đai 2024 có quy định khác về quyền của chủ sở hữu nhà ở gắn với quyền sử dụng đất ở là người Việt Nam định cư ở nước ngoài thì thực hiện theo quy định đó;

- Sử dụng chung các công trình tiện ích công cộng trong khu nhà ở đó theo quy định của Luật Nhà ở 2023 và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Trường hợp là chủ sở hữu nhà chung cư thì có quyền sở hữu chung, sử dụng chung đối với phần sở hữu chung của nhà chung cư và công trình hạ tầng sử dụng chung của khu nhà chung cư đó, trừ công trình được xây dựng để kinh doanh hoặc phải bàn giao cho Nhà nước theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở;

- Bảo trì, cải tạo, phá dỡ, xây dựng lại nhà ở theo quy định của Luật Nhà ở 2023 và pháp luật về xây dựng;
 - Được bảo hộ quyền sở hữu nhà ở theo quy định tại Điều 7 Luật Nhà ở 2023;
 - Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện đối với hành vi vi phạm quyền sở hữu hợp pháp của mình và hành vi khác vi phạm pháp luật về nhà ở;
 - Quyền khác theo quy định của pháp luật.
- Chủ sở hữu nhà ở là tổ chức, cá nhân nước ngoài có quyền quy định tại Điều 20 Luật Nhà ở 2023.

Người sử dụng nhà ở không phải là chủ sở hữu nhà ở được thực hiện quyền trong việc

quản lý, sử dụng nhà ở theo thỏa thuận với chủ sở hữu nhà ở (Điều 10 Luật Nhà ở 2023).

3. Hướng dẫn thủ tục sửa đổi về kiểm định kỹ thuật an toàn lao động theo quy định mới của Bộ Xây dựng



Ngày 22 tháng 10 năm 2024, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 984/QĐ-BXD, công bố các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ.

Theo đó, các thủ tục sửa đổi bao gồm quy trình gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức thực hiện kiểm định đối với máy móc, thiết bị, và vật tư yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong hoạt động xây dựng. Cụ thể, trình tự thực hiện thủ tục gia hạn được quy định như sau:

a) Trình tự thực hiện:

Trước ít nhất 30 ngày khi Giấy chứng nhận hết hạn, tổ chức có nhu cầu gia hạn phải nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa của Bộ Xây dựng (địa chỉ: số 37 phố Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội).

Bộ Xây dựng sẽ tiến hành thẩm định và thực hiện gia hạn Giấy chứng nhận trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Nếu không chấp nhận gia hạn, Bộ phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Tổ chức nộp phí thẩm định theo quy định của Bộ Tài chính.

b) Phương thức nộp hồ sơ:

Có thể nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận Một cửa của Bộ Xây dựng.

c) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận;
- Giấy chứng nhận đã cấp;
- Bản sao quyết định thành lập của đơn vị sự nghiệp;

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

- Danh mục thiết bị và dụng cụ phục vụ cho kiểm định;
- Danh sách kiểm định viên;
- Tài liệu chứng minh kinh nghiệm của người phụ trách kỹ thuật, có thể bao gồm bản sao sổ hoặc tờ rời về tham gia bảo hiểm xã hội, bản sao hợp đồng lao động, hoặc biên bản kiểm định kèm giấy chứng nhận kết quả kiểm định.

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Phí thẩm định: Mức phí là 15.000.000 đồng theo Thông tư 110/2017/TT-BTC.

Các nội dung cụ thể được quy định tại Quyết định 984/QĐ-BXD, có hiệu lực từ ngày 22/10/2024.

4. Tổng hợp chính sách mới nổi bật có hiệu lực từ ngày 01/11/2024



4.1. Quy định về tăng mức trợ cấp hằng tháng với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc có hiệu lực 01/11/2024

Ngày 17/9/2024, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư 53/2024/TT-BQP quy định điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

Theo đó, điều chỉnh tăng thêm 15% trên mức trợ cấp hằng tháng của tháng 6 năm 2024 đối với đối tượng là:

- Quân nhân đã phục viên, xuất ngũ đang hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng theo quy định tại Quyết định 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008; Quyết định 38/2010/QĐ-TTg ngày 06/5/2010.

(2) Quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc đang hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng theo quy định tại Quyết định 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011.

Theo đó, mức trợ cấp hằng tháng sau khi đã được điều chỉnh tăng thêm, cụ thể như sau:

- Từ đủ 15 năm đến dưới 16 năm, mức trợ cấp bằng 2.628.000 đồng/tháng;

- Từ đủ 16 năm đến dưới 17 năm, mức trợ cấp bằng 2.746.000 đồng/tháng;
- Từ đủ 17 năm đến dưới 18 năm, mức trợ cấp bằng 2.868.000 đồng/tháng;
- Từ đủ 18 năm đến dưới 19 năm, mức trợ cấp bằng 2.988.000 đồng/tháng;
- Từ đủ 19 năm đến dưới 20 năm, mức trợ cấp bằng 3.105.000 đồng/tháng.

Xem chi tiết tại Thông tư 53/2024/TT-BQP có hiệu lực từ ngày 01/11/2024.

4.2. Tiêu chí thụ hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước về phát triển Hợp tác xã từ 01/11/2024

Ngày 12/9/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 113/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật Hợp tác xã 2023, trong đó có quy định khung lãi suất cho vay nội bộ trong hợp tác xã.

Theo đó, Hợp tác xã được xem xét thụ hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước khi đáp ứng các tiêu chí sau:

- Không trong thời gian thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính do vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm; không trong thời gian chấp hành bản án hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;

- Đáp ứng một trong các tiêu chí sau tại thời điểm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ:

+ Số lượng thành viên tăng trong 02 năm liên tiếp liền kề với năm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ;

+ Tỷ lệ giá trị giao dịch nội bộ tăng trong năm trước liền kề với năm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ;

+ Tỷ lệ trích lập quỹ chung không chia cao hơn so với mức tối thiểu quy định tại Điều 84 Luật Hợp tác xã 2023 trong năm trước liền kề với năm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ;

+ Tăng giá trị tài sản chung không chia trong năm trước liền kề với năm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ;

+ Có ít nhất 5% tổng số thành viên, người lao động được tham gia các lớp giáo dục, đào tạo, phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn do hợp tác xã tự tổ chức hoặc do các cơ quan, đoàn thể, tổ chức khác tổ chức và đã được cấp chứng nhận tham gia khóa học hoặc có danh sách thành viên, người lao động tham gia khóa học có đóng dấu của hợp tác xã (đối với các khóa học do hợp tác xã tự tổ chức, thì hợp tác xã phải có kế hoạch tổ chức khóa học, nội dung khóa học và danh sách

khóa học có chữ ký của người tham gia khóa học) tính đến thời điểm năm trước liền kề với năm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ;

+ Đã thành lập không quá 36 tháng tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư tính đến thời điểm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ;

- Trường hợp hợp tác xã đăng ký thụ hưởng khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước có giá trị từ 03 tỷ đồng trở lên thì phải có báo cáo tài chính năm trước liền kề đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập tại thời điểm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ.

Nghị định 113/2024/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/11/2024.

4.3. Quy định về khai thác, sử dụng hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng

Ngày 06/9/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định 111/2024/NĐ-CP quy định về hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

Cụ thể, cơ quan quản lý nhà nước được quyền khai thác và sử dụng đầy đủ các trường dữ liệu

trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, tiếp cận thông tin và phù hợp với nhu cầu của đơn vị;

Cá nhân, tổ chức được quyền khai thác, sử dụng dữ liệu mở được công bố và được khai thác bằng văn bản đối với các dữ liệu còn lại trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, tiếp cận thông tin và phù hợp với nhu cầu sử dụng của cá nhân, tổ chức.

Theo đó, hình thức khai thác cơ sở dữ liệu như sau:

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng;
- Bảng văn bản theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin đối với các thông tin, dữ liệu không thuộc dữ liệu mở quy định tại khoản 3 Điều 6 và khoản 4 Điều 7 Nghị định 111/2024/NĐ-CP.

Lưu ý: Cơ quan quản lý nhà nước không được yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp các giấy tờ,

thông tin đã có trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

Dữ liệu được tra cứu, khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định nêu trên có giá trị sử dụng chính thức, tương đương văn bản giấy trong các hoạt động có liên quan đến lĩnh vực hoạt động đầu tư xây dựng.

Nghị định 111/2024/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/11/2024.

4.4. Xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức tư vấn học sinh

Ngày 18/9/2024, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Thông tư 11/2024/TT-BGDĐT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức tư vấn học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trường chuyên biệt công lập.

Theo đó, viên chức được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức tư vấn học sinh quy định tại Thông tư này được áp dụng bảng lương viên chức tại bảng 3 (bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước) ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Chức danh nghề nghiệp viên chức tư vấn học sinh hạng III (mã số V.07.07.24) được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1, từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98;

- Chức danh nghề nghiệp viên chức tư vấn học sinh hạng II (mã số V.07.07.23) được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2 (nhóm A2.2), từ hệ số lương 4,00 đến hệ số lương 6,38;

- Chức danh nghề nghiệp viên chức tư vấn học sinh hạng I (mã số V.07.07.22) được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2 (nhóm A2.1), từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78.

Việc chuyển xếp lương đối với viên chức tư vấn học sinh khi được thăng hạng chức danh nghề nghiệp và trường hợp khi tuyển dụng, bổ nhiệm vào chức danh viên chức tư vấn học sinh đang là công chức, viên chức chuyên ngành khác thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 02/2007/TT-BNV và theo quy định hiện hành của pháp luật. Khi thực hiện chính sách tiền lương mới, việc xếp sang lương mới thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Thông tư 11/2024/TT-BGDĐT có hiệu lực từ ngày 04/11/2024.

4.5. Điều chỉnh Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

Ngày 15/9/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 114/2024/NĐ-CP để sửa đổi, bổ sung Nghị định số 151/2017/NĐ-CP về hướng dẫn thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017.

Theo đó, Nghị định số 114/2024/NĐ-CP bổ sung Điều 3a, quy định chi tiết về việc mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản công là vật tiêu hao phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, với nội dung cụ thể như sau:

a. Định nghĩa vật tiêu hao:

Vật tiêu hao bao gồm nguyên liệu, nhiên liệu, thuốc, sinh phẩm, vật tư, vật liệu, văn phòng phẩm và các loại vật khác mà sau khi sử dụng một lần sẽ mất đi hoặc không còn giữ nguyên hình dáng, tính chất và công dụng ban đầu.

b. Thẩm quyền quyết định mua sắm vật tiêu hao:

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quy định thẩm quyền mua sắm vật tiêu hao để phục vụ hoạt động của các cơ quan thuộc phạm vi quản lý của mình.

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền đối với việc mua sắm vật tiêu hao phục vụ hoạt động của các cơ quan thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

c. Nguyên tắc mua sắm:

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng, ngân sách được phân bổ và nguồn kinh phí hợp pháp, cơ quan nhà nước sẽ tổ chức mua sắm vật tiêu hao tuân theo các quy định của pháp luật về đấu thầu.

d. Quản lý và xử lý vật tiêu hao sau sử dụng:

Vật tiêu hao bị mất đi sau khi sử dụng không phải thực hiện xử lý.

Vật tiêu hao không mất đi sẽ được xử lý hủy bỏ khi hết hạn hoặc không còn giá trị sử dụng.

Nghị định 114/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 30/10/2024.

4.6. Hướng dẫn phương pháp chế biến dược liệu và vị thuốc cổ truyền

Ngày 06/9/2024, Bộ trưởng Bộ Y tế đã ban hành Thông tư số 14/2024/TT-BYT quy định về phương pháp chế biến dược liệu và vị thuốc cổ truyền. Thông tư này là cơ sở để các cơ sở sản xuất xây dựng quy trình chế biến dược liệu, vị thuốc cổ truyền.

Nếu cơ sở áp dụng phương pháp chế biến chưa được quy định tại Phụ lục II của Thông tư 14/2024/TT-BYT, thì có thể tham khảo các phương pháp trong Dược điển Việt Nam, Dược điển quốc tế hoặc tài liệu đào tạo ngành y dược cổ truyền. Cơ sở tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng, an toàn, hiệu quả của sản phẩm sau khi chế biến.

Thông tư 14/2024/TT-BYT có hiệu lực từ ngày 28/10/2024 và thay thế Thông tư 30/2017/TT-BYT.

4.7. Sửa đổi quy định về phát hành tín phiếu Ngân hàng Nhà nước

Ngày 30/8/2024, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 44/2024/TT-NHNN để sửa đổi khoản 2 Điều 2 của Thông tư 16/2019/TT-NHNN về đối tượng áp dụng trong quy định phát hành tín phiếu Ngân hàng Nhà nước.

Theo Thông tư này, đối tượng áp dụng từ ngày 23/10/2024 bao gồm: Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính tổng hợp, công ty tài chính chuyên ngành, ngân hàng hợp tác xã,

ngân hàng chính sách và Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

Thông tư 44/2024/TT-NHNN có hiệu lực từ ngày 23/10/2024.

4.8. Quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật trong kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng

Ngày 04/9/2024, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư số 11/2024/TT-BNNPTNT quy định định mức kinh tế - kỹ thuật trong việc kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng.

Các nguyên tắc áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật trong kiểm kê rừng được thực hiện như sau:

Định mức kinh tế - kỹ thuật trong điều tra hiện trạng rừng: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2024/TT-BNNPTNT.

Định mức kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng: Tuân thủ các nội dung quy định tại Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT và Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT. Đối với các công việc chưa có quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật trong Thông tư 11/2024/TT-BNNPTNT, áp dụng định mức theo quy định hiện hành của pháp luật.

Khai thác dữ liệu viễn thám: Phải tuân thủ theo các quy định pháp luật về đo đạc và bản đồ. Thông tư 11/2024/TT-BNNPTNT có hiệu lực từ ngày 24/10/2024 và thay thế Thông tư số 102/2000/TT-BNN-KL.

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ HIỆU LỰC TỪ THÁNG 11/2024

STT	TÊN VĂN BẢN	NGÀY
NGHỊ QUYẾT		
1	Nghị quyết 1193/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2023 - 2025	BH: 28/09/2024 HL: 01/11/2024
2	Nghị quyết 1192/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Cần Thơ giai đoạn 2023 - 2025	BH: 28/09/2024 HL: 01/11/2024
3	Nghị quyết 1194/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2025	BH: 28/09/2024 HL: 01/11/2024
4	Nghị quyết 1195/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2023 - 2025	BH: 28/09/2024 HL: 01/11/2024
5	Nghị quyết 1196/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2023 - 2025	BH: 28/09/2024 HL: 01/11/2024
6	Nghị quyết 1197/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lào Cai giai đoạn 2023 - 2025	BH: 28/09/2024 HL: 01/11/2024
7	Nghị quyết 1198/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2023 - 2025	BH: 28/09/2024 HL: 01/11/2024
8	Nghị quyết 1199/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2023 - 2025	BH: 28/09/2024 HL: 01/11/2024
9	Nghị quyết 1200/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Phú Yên giai đoạn 2023 - 2025	BH: 28/09/2024 HL: 01/11/2024
10	Nghị quyết 1201/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Bình	BH: 28/09/2024 HL: 01/11/2024

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

	giai đoạn 2023 – 2025	
11	Nghị quyết 1202/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2023 - 2025	BH: 28/09/2024 HL: 01/11/2024
12	Nghị quyết 1203/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2023 - 2025	BH: 28/09/2024 HL: 01/11/2024
NGHỊ ĐỊNH		
1	Nghị định 113/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã	BH: 12/09/2024 HL: 01/11/2024
2	Nghị định 133/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định 58/2021/NĐ-CP ngày 10/6/2021 của Chính phủ quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng	BH: 21/10/2024 HL: 01/11/2024
3	Nghị định 117/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 82/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã	BH: 18/09/2024 HL: 15/11/2024
4	Nghị định 118/2024/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi hành án hình sự	BH: 30/09/2024 HL: 15/11/2024
5	Nghị định 125/2024/NĐ-CP quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	BH: 05/10/2024 HL: 20/11/2024
6	Nghị định 124/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục	BH: 05/10/2024 HL: 20/11/2024
7	Nghị định 126/2024/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội	BH: 08/10/2024 HL: 26/11/2024
8	Nghị định 129/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên	BH: 10/10/2024 HL: 30/11/2024

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

	quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Y tế	
THÔNG TƯ		
1	Thông tư số 07/2024/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung Điều 7 và thay thế Phụ lục II, Phụ lục III của Thông tư số 13/2021/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	BH: 02/05/2024 HL: 02/11/2024
2	Thông tư 68/2024/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán	BH: 18/09/2024 HL: 02/11/2024
3	Thông tư 46/2024/TT-BCA sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 67/2019/TT-BCA ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về thực hiện dân chủ trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông	BH: 30/09/2024 HL: 15/11/2024
4	Thông tư 06/2024/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 11/2015/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp	BH: 30/09/2024 HL: 15/11/2024
5	Thông tư 18/2024/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác xác định hàm lượng một số nguyên tố hóa học bằng phương pháp phân tích hoá học than, phương pháp nung luyện và phương pháp quang phổ phát xạ plasma cảm ứng (ICP-OES)	BH: 01/10/2024 HL: 15/11/2024
6	Thông tư 70/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước	BH: 01/10/2024 HL: 15/11/2024
7	Thông tư 69/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định danh mục	BH: 01/10/2024

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

	hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung cấp quốc gia	HL: 15/11/2024
8	Thông tư 19/2024/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành Danh mục thiết bị y tế xuất khẩu, nhập khẩu đã được xác định mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam	BH: 01/10/2024 HL: 16/11/2024
9	Thông tư 46/2024/TT-NHNN quy định về việc áp dụng lãi suất đối với tiền gửi bằng đô la Mỹ của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	BH: 30/09/2024 HL: 20/11/2024
10	Thông tư 47/2024/TT-NHNN sửa đổi khoản 3 Điều 3 Thông tư số 04/2022/TT-NHNN ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc áp dụng lãi suất rút trước hạn tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	BH: 30/09/2024 HL: 20/11/2024
11	Thông tư 48/2024/TT-NHNN quy định về việc áp dụng lãi suất đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	BH: 30/09/2024 HL: 20/11/2024
12	Thông tư 07/2024/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	BH: 08/10/2024 HL: 22/11/2024
13	Thông tư 17/2024/TT-BCT của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 22/2019/TT-BCT ngày 12/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tạm ngừng kinh doanh chuyên khẩu, kinh doanh tạm nhập gổ dán vào Việt Nam để tái xuất sang Hoa Kỳ	BH: 08/10/2024 HL: 25/11/2024
14	Thông tư 21/2024/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định vận hành Thị trường bán buôn điện cạnh tranh	BH: 10/10/2024 HL: 25/11/2024
15	Thông tư 20/2024/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định phương pháp lập khung giá phát điện của nhà máy điện chất thải rắn và nhà máy điện sinh khối	BH: 10/10/2024 HL: 26/11/2024
16	Thông tư 20/2024/TT-BYT của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với	BH: 14/10/2024 HL: 28/11/2024

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

	sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế	
QUYẾT ĐỊNH		
1	Quyết định 32/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận quy định mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Thuận	BH: 11/10/2024 HL: 01/11/2024
2	Quyết định 52/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quy chế quản lý, cập nhật, sử dụng, khai thác, phê duyệt dữ liệu, thông tin của Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tỉnh Lai Châu	BH: 14/10/2024 HL: 01/11/2024
3	Quyết định 34/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm và công chức, viên chức thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận	BH: 11/10/2024 HL: 01/11/2024
4	Quyết định 38/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận quy định về điều kiện đường giao thông để phương tiện chữa cháy thực hiện nhiệm vụ chữa cháy tại nơi có nhà ở nhiều tầng nhiều căn hộ của cá nhân trên địa bàn tỉnh Bình Thuận	BH: 14/10/2024 HL: 01/11/2024
5	Quyết định 72/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế sửa đổi một số điều, khoản quy định về số lượng Phó Giám đốc Sở và tương đương tại các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế	BH: 11/10/2024 HL: 01/11/2024
6	Quyết định 44/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025 kèm theo Quyết định 38/2022/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình	BH: 11/10/2024 HL: 01/11/2024
7	Quyết định 44/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang quy định tiêu chí, trình tự, thời gian thực hiện xét công nhận Làng văn hóa du lịch tiêu biểu tỉnh Hà Giang	BH: 07/10/2024 HL: 01/11/2024
8	Quyết định 2373/QĐ-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực hỗ trợ tổ hợp	BH: 11/10/2024 HL: 01/11/2024

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

	tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
9	Quyết định 43/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	BH: 14/10/2024 HL: 01/11/2024
10	Quyết định 44/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định hạn mức công nhận đất ở, hạn mức giao đất ở trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	BH: 14/10/2024 HL: 01/11/2024
11	Quyết định 46/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định hạn mức giao đất cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	BH: 14/10/2024 HL: 01/11/2024
12	Quyết định 5290/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành giá vé vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt có trợ giá trên địa bàn Thành phố Hà Nội	BH: 09/10/2024 HL: 01/11/2024
13	Quyết định 43/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định điều kiện về đường giao thông để phương tiện chữa cháy thực hiện nhiệm vụ chữa cháy tại nơi cá nhân xây dựng nhà ở từ 02 tầng trở lên và có quy mô dưới 20 căn hộ mà tại mỗi tầng có thiết kế, xây dựng căn hộ để cho thuê trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	BH: 23/10/2024 HL: 01/11/2024
14	Quyết định 41/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy định hạn mức một số loại đất; giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15/10/1993; điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	BH: 23/10/2024 HL: 01/11/2024
15	Quyết định 51/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh Hòa Bình	BH: 21/10/2024 HL: 01/11/2024
16	Quyết định 76/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bãi bỏ Quyết định 41/2015/QĐ-UBND ngày 30/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Quy định về cước vận tải hàng hóa bằng ô tô trên địa bàn tỉnh	BH: 17/10/2024 HL: 01/11/2024
17	Quyết định 57/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền	BH: 15/10/2024

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

	Giang ban hành Quy chế phối hợp quản lý Nhà nước tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	HL: 01/11/2024
18	Quyết định 59/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định	BH: 17/10/2024 HL: 01/11/2024
19	Quyết định 60/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định	BH: 17/10/2024 HL: 01/11/2024
20	Quyết định 23/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quy chế phối hợp quản lý Nhà nước về hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp trên địa bàn tỉnh	BH: 17/10/2024 HL: 01/11/2024
21	Quyết định 39/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân trên địa bàn tỉnh Bình Dương	BH: 18/10/2024 HL: 01/11/2024
22	Quyết định 40/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân đưa vào sử dụng theo quy hoạch để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương	BH: 18/10/2024 HL: 01/11/2024
23	Quyết định 34/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang quy định tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	BH: 21/10/2024 HL: 01/11/2024
24	Quyết định 56/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quy chế phối hợp quản lý Nhà nước trong công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	BH: 15/10/2024 HL: 01/11/2024
25	Quyết định 43/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định các loại giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15/10/1993, làm căn cứ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương	BH: 18/10/2024 HL: 01/11/2024
26	Quyết định 46/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi	BH: 18/10/2024 HL: 01/11/2024

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

	khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương	
27	Quyết định 52/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai bãi bỏ các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	BH: 21/10/2024 HL: 01/11/2024
28	Quyết định 59/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quy định về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	BH: 18/10/2024 HL: 01/11/2024
29	Quyết định 27/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định các giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15/10/1993 của hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	BH: 19/10/2024 HL: 01/11/2024
30	Quyết định 78/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế	BH: 21/10/2024 HL: 01/11/2024
31	Quyết định 36/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về trách nhiệm và quan hệ phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý Nhà nước trong công tác đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn ban hành kèm theo Quyết định 09/2017/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh	BH: 11/10/2024 HL: 01/11/2024
32	Quyết định 47/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang quy định chi tiết tiêu chuẩn và việc xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Hà Giang	BH: 17/10/2024 HL: 01/11/2024
33	Quyết định 28/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành Quy định hạn mức giao, hạn mức công nhận quyền sử dụng đất, hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất, diện tích tối thiểu được tách thửa, hợp thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	BH: 19/10/2024 HL: 01/11/2024
34	Quyết định 45/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất và quy định	BH: 18/10/2024 HL: 01/11/2024

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

	mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương	
35	Quyết định 41/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng	BH: 21/10/2024 HL: 01/11/2024
36	Quyết định 44/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định chi tiết một số nội dung về phát triển, quản lý nhà ở và kinh doanh bất động sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương	BH: 18/10/2024 HL: 01/11/2024
37	Quyết định 41/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 18/12/1980 và từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 15/10/1993 trên địa bàn tỉnh Bình Dương	BH: 18/10/2024 HL: 01/11/2024
38	Quyết định 36/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định về hạn mức giao đất ở cho cá nhân tại nông thôn, đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Dương	BH: 18/10/2024 HL: 01/11/2024
39	Quyết định 37/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định về hạn mức diện tích đất giao cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh Bình Dương	BH: 18/10/2024 HL: 01/11/2024
40	Quyết định 38/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định điều kiện tách thửa đất, điều kiện hợp thửa đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương	BH: 18/10/2024 HL: 01/11/2024
41	Quyết định 4215/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã, tỉnh Thanh Hóa	BH: 22/10/2024 HL: 01/11/2024
42	Quyết định 55/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quy định một số yếu tố ước tính doanh thu phát triển; chi phí phát triển của thửa đất, khu đất cần định giá theo phương pháp thặng dư và các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất trong việc xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	BH: 15/10/2024 HL: 01/11/2024

43	Quyết định 46/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình quy định khu vực được chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật cho cá nhân tự xây dựng nhà ở trên địa bàn tỉnh Hòa Bình	BH: 16/10/2024 HL: 01/11/2024
44	Quyết định 47/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Khung giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư trên địa bàn tỉnh Hòa Bình	BH: 16/10/2024 HL: 01/11/2024
45	Quyết định 52/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định các trường hợp không có tính khả thi và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất theo quy định tại Điều 14 Nghị định 123/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	BH: 15/10/2024 HL: 01/11/2024
46	Quyết định 53/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định việc rà soát, công bố công khai danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	BH: 15/10/2024 HL: 01/11/2024
47	Quyết định 54/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định về điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách khu đất thành dự án độc lập trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	BH: 15/10/2024 HL: 01/11/2024
48	Quyết định 48/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Khung giá thuê nhà ở xã hội và nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình	BH: 16/10/2024 HL: 01/11/2024
49	Quyết định 49/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình quy định một số nội dung thuộc lĩnh vực nhà ở trên địa bàn tỉnh Hòa Bình	BH: 16/10/2024 HL: 01/11/2024
50	Quyết định 26/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng ban hành Quy chế phối hợp xử lý các vụ việc liên quan đến người nước ngoài xảy ra trên địa bàn thành phố Hải Phòng	BH: 17/10/2024 HL: 01/11/2024
51	Quyết định 52/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định các trường hợp không có tính khả thi và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất theo quy định tại Điều 14	BH: 15/10/2024 HL: 01/11/2024

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

	Nghị định 123/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	
52	Quyết định 33/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	BH: 16/10/2024 HL: 01/11/2024
53	Quyết định 50/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Quy định phân công quản lý Nhà nước về vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản và muối thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình	BH: 16/10/2024 HL: 01/11/2024
54	Quyết định 57/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định quy định về đường giao thông để phương tiện chữa cháy thực hiện nhiệm vụ chữa cháy tại nơi có nhà ở nhiều tầng nhiều căn hộ của cá nhân trên địa bàn tỉnh Bình Định	BH: 14/10/2024 HL: 01/11/2024
55	Quyết định 4169/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Hệ thống văn bản, chứng chỉ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thanh Hóa	BH: 18/10/2024 HL: 02/11/2024
56	Quyết định 2335/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực hệ thống văn bản, chứng chỉ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tiền Giang	BH: 21/10/2024 HL: 02/11/2024
57	Quyết định 42/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định quy định điều kiện về đường giao thông để phương tiện chữa cháy thực hiện nhiệm vụ chữa cháy tại nơi có nhà ở nhiều tầng nhiều căn hộ của cá nhân trên địa bàn tỉnh Nam Định	BH: 22/10/2024 HL: 02/11/2024
58	Quyết định 2761/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, lĩnh vực Hệ thống văn bản, chứng chỉ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo	BH: 04/10/2024 HL: 02/11/2024

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

59	Quyết định 42/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 31/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	BH: 23/10/2024 HL: 04/11/2024
60	Quyết định 48/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang	BH: 23/10/2024 HL: 05/11/2024
61	Quyết định 47/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An ban hành Quy định về xét thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Long An	BH: 22/10/2024 HL: 05/11/2024
62	Quyết định 38/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý An toàn thực phẩm tỉnh Bắc Ninh	BH: 22/10/2024 HL: 05/11/2024
63	Quyết định 43/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Thuận	BH: 22/10/2024 HL: 05/11/2024
64	Quyết định 45/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận quy định tiêu chí đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại tại các đô thị loại IV, đô thị loại V trên địa bàn tỉnh phải dành một phần diện tích đất ở trong dự án để xây dựng nhà ở xã hội	BH: 24/10/2024 HL: 07/11/2024
65	Quyết định 43/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc quy định các loại giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15/10/1993 trên địa bàn tỉnh Nam Định	BH: 24/10/2024 HL: 08/11/2024
66	Quyết định 36/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang bãi bỏ Quyết định 32/2021/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang phân cấp thẩm quyền thực hiện thoả thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	BH: 24/10/2024 HL: 10/11/2024

67	Quyết định 36/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành Quy định phân cấp quản lý trật tự xây dựng và tiếp nhận thông báo khởi công trên địa bàn tỉnh Bình Thuận	BH: 14/10/2024 HL: 11/11/2024
68	Quyết định 1226/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm lại ông Nguyễn Minh Tâm giữ chức Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	BH: 21/10/2024 HL: 15/11/2024

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>